

Bản án số: 45 /2017/HSST
Ngày 07/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đường Ngọc Đại và ông Nguyễn Xuân Thịnh

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Bích – Thư ký TAND thị xã Phúc Yên.

Đại diện VKSND thị xã Phúc Yên tham gia phiên toà: Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại nhà văn hóa thôn 2 Đạm Nội, xã Tiền Châu, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo.

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1960; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu 3, phường V A, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Chu Thị S (đã chết); có vợ Vũ Thị D và có 02 con lớn sinh năm 1982 và nhỏ sinh năm 1988; Danh bản, chỉ bản số 99 lập ngày 30/3/2017 của Công an thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/3/2017 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị D, sinh năm 1960 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu 3, phường V A, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh

Anh Nguyễn V T, sinh nam 1976 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Anh Trần Văn T, sinh nam 1988 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu 3, phường V A, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh

Anh Ngô Thanh H, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Khu 3, phường V A, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh

Người làm chứng:

1. Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã k, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc

2. Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố 1, phường P, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc

NHẬN THẤY

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15h30' ngày 29/3/2017, Nguyễn Văn T nhận được điện thoại của Nguyễn V T hỏi mua ma túy với giá: 500.000đồng, hai bên thỏa thuận, T đem ma túy lên Vĩnh Phúc thì V T phải trả cho T tổng số tiền là: 700.000đồng (trong đó có 200.000đồng tiền công đem ma túy lên Vĩnh Phúc). Thỏa thuận xong T điều khiển xe mô tô Honda Airblade BKS 99G1 - 301.07 đến khu vực bến xe Bắc Ninh thuộc phường N – TP. BN – Bắc Ninh mua 01 gói ma túy của một người thanh niên (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) với giá 500.000đồng, rồi đem đến phường P, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc để bán cho V T. Còn V T cũng đi xe buýt từ Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đến khu vực Bến xe Vĩnh Yên (thuộc phường Khai Quang – TP. Vĩnh Yên) rồi thuê xe ôm BKS 88L1 - 1502 của anh Hoàng Văn V - 1993, trú tại Thôn C, xã k, huyện V T, tỉnh Vĩnh Phúc xuống khu vực phường P, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc và đợi ở đó. Đến khoảng hơn 19h cùng ngày, T đi xe máy đến chỗ V T đang đứng đợi, khi T và V T đang nói chuyện trao đổi về việc mua bán ma túy thì bị Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật.

Vật chứng đã thu giữ: Thu giữ của T 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong chứa các chất bột cục màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1. T khai mục đích để bán cho V T nhưng chưa kịp bán thì bị bắt quả tang. 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng, trắng dùng để giao dịch mua bán ma túy với Tuyền

Thu giữ trên người Tuyền số tiền: 700.000đồng. V T khai mục đích để mua ma túy của T .

Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ của trong người của T số tiền: 370.000đồng và thu giữ 01 xe mô tô Honda Airblade có BKS 99G1 – 301.07 cùng đăng ký xe + 01 ví giả da màu đen bên trong có số tiền: 12.000.000đồng (ví để trong cốp xe mô tô).

Ngày 03/04/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định, kết luận:

“Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định có trọng lượng là 0,3031 gam (Không phải ba không ba một gam, không kể bao bì), có Heroine.

Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, TT 20 - Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính Phủ. Trọng lượng Heroine trong 0,3031 gam mẫu là 0,1838 gam (Không phải một tám ba tám gam).

Cơ quan giám định đã hoàn lại sau giám định là $A1 = 0,1296$ gam mẫu cùng toàn bộ bao gói. Như vậy, lượng ma túy tinh chất mà Nguyễn Văn T bán cho anh Nguyễn Văn T là $A1 = 0,1838$ g Heroine.

Đối với anh Nguyễn Văn T là người mua ma túy của Nguyễn Văn T để sử dụng, là vi phạm pháp luật nên ngày 7 tháng 6 năm 2017 Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính.

Đối với người thanh niên đã bán ma túy cho T tại khu vực bến xe Bắc Ninh. Quá trình điều tra chưa xác định được danh tính cụ thể, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Hoàng Văn V là người lái xe ôm được Tuyển thuê chở từ bến xe TP.Vĩnh Yên đến khu vực tổ phường P, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc Quá trình điều tra vụ án xác định, khi được Tuyển thuê chở anh V không biết được mục đích của Tuyển đi mua ma túy nên không đề cập xử lý, là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô Honda Airblade BKS: 99G1 - 301.07. Quá trình điều tra vụ án xác định nguồn gốc số tiền mua chiếc xe trên là tiền của anh Nguyễn Văn T SN 1988 có HKTT Khu 3, phường V A, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh (là con đẻ của bị can T) và khi đăng ký xe anh T nhờ mẹ là bà Vũ Thị D g – 1960 ở phường Vạn Khu 3, phường V A, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh đứng tên trong đăng ký xe để tiện cho việc đi lại (xe anh T cho bà D mượn để đi lại). Ngày 29/3/2017 bà D cho T mượn xe để đi mua chó, bà D không biết việc T sử dụng xe đi bán ma túy.

Đối với số tiền 12.000.000đồng là số tiền bà D đưa cho T đi mua chó, nguồn gốc số tiền trên là của anh Ngô Thanh H – 1995 ở phường V A, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh (là cháu bà D) đưa cho bà D để nhờ mua chó hộ, không liên quan đến việc phạm tội. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả số tiền cùng chiếc xe, đăng ký cho bà D nhận lại.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động 1202 màu đen đã cũ của anh V T đã sử dụng để liên lạc mua ma túy của T. Quá trình xác định anh V T đã bị thất lạc trên đường bỏ chạy. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Trong giai đoạn điều tra bị can Nguyễn Văn T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số: 44/KSĐT – TA ngày 15/6/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên được phân công duy trì công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma*

túy” . Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/3/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật hoàn trả sau giám định A1 = 0,1296 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói.

Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động của bị can T dùng liên lạc mua bán ma túy (có đặc điểm như biên bản thu giữ)

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 700.000đ của Tuyển dùng để mua ma túy.

Trả lại cho bị cáo T số tiền 370.000đ và 01 ví giả da màu đen nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án./.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở để xác định :

Hồi 19h40' ngày 29/3/2017, tại khu vực tổ dân phố 1, phường P, thị xã Y, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn T đang có hành vi trao đổi bán trái phép 01 gói ma túy có hàm lượng tinh chất 0,1838 g heroine cho anh Nguyễn V T. Hành vi trên của Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. T không có giấy phép mua bán chất

ma túy, hành vi tự ý mua bán chất ma túy của T là vi phạm sự quản lý chất ma túy của Nhà nước. Nên T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Cụ thể khoản 1 Điều 194 BLHS quy định:

“1. Người nào ... mua bán trái phép..., chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm...”.

Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2001 bị Tòa án nhân dân thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, năm 2013 bị Tòa án nhân dân Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Như vậy bị cáo đã bị kết án 2 lần về tội ma túy. Tuy các lần phạm tội của bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện mình trở thành người công dân tốt. Thể hiện sự coi thường pháp luật trong con người bị cáo. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo có như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên xét thấy khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Khang được tặng Huân chương kháng chiến nên áp dụng Nghị quyết 144/QH ngày 26/6/2016 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm x, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền vì bị cáo không có tài sản.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật hoàn trả sau giám định A1 = 0,1296 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói.

Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động của bị cáo T dùng liên lạc mua bán ma túy, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 700.000đồng của Tuyên dùng để mua ma túy.

Trả lại cho bị cáo T số tiền 370.000đ và 01 ví giả da màu đen nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 144/QH ngày 26/6/2016 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm x, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015..

Xử phạt: Nguyễn Văn T 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/3/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ mẫu vật hoàn trả sau giám định A1 = 0,1296 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói. Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động của T dùng liên lạc mua bán ma túy, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 700.000đồng của Tuyên dùng để mua ma túy. Trả lại cho bị cáo T số tiền 370.000đ và 01 ví giả da màu đen nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng tại chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên ngày 04 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS + CA thị xã Phúc Yên ;
- THA hình sự + dân sự;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND phường Vạn An;
- Lưu: VP + HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Tâm

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đường Ngọc Đại Nguyễn Xuân Thịnh

Phan Thanh Tâm

Nơi nhận:

- VKS + CA thị xã Phúc Yên ;
- THA hình sự + dân sự;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND phường Vạn An;
- Lưu: VP + HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Tâm

